

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HS-ST.

Ngày: 23/11/2017.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY -TỈNH KONTUM
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông, Nguyễn Văn Tuấn.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà, **Đỗ Thị Hải Lý;**

2. Bà, **Trần Thị Tâm.**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà, **Trần Thị Phụng**- Cán bộ Toà án nhân dân huyện SaThầy, tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Ông, **Nguyễn Anh Nghĩa**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 23/10/2017, đối với các bị cáo:

1. A. N, sinh năm 1994 tại tỉnh Kon Tum.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn Đ. Đ, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: A. H(đã chết) và bà Y. L, sinh năm: 1943, hiện ở làng K, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum; Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo có vợ là Y. H và 02 con hiện ở Thôn Đ. Đ, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn“Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

2. A. T, sinh năm 1998 tại Sa Thầy, Kon Tum.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Làng K, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: A. Đ, sinh năm 1937 và bà Y. T, sinh năm 1959. Hiện cả hai làm nông và sinh sống tại Làng K, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum; Gia đình bị cáo có 08 anh em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn“Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** A. T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn K. L, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Y. B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Làng G. X, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06- 7- 2017, A. S đi xe mô tô Sirius biển kiểm soát 82B1- 354.99 tới nhà A. T rủ đi uống nước, tới gần quán nước, A. S nói với A. T rằng A. N rủ đi trộm cắp xe để bán. A. T đồng ý đi trộm cắp cùng A. S. Khi đến nhà A. C, thì A. S rủ A. N cùng đi trộm cắp, A. N đồng ý. Sau đó, A. S chở A. T và A. N cùng đi xung quanh xã tìm xe trộm cắp, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, tại thôn K. L, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum, thì cả ba thấy 01 xe mô tô Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 82M1- 043.04, để ngoài đường không có người trông coi. Lúc này, A. N nhảy xuống xe, đi tới lấy xe honda này, đẩy xe đi về hướng thị trấn S. T, đi được khoảng 100 mét, thì thấy chìa khóa đang cắm trên xe, nên A. N nổ máy và chạy đuổi theo xe A. S chở A. T đang đi về hướng thị trấn S. T. Tới thôn N. N, xã S. N, huyện S. T, thì A. T và A. N vào tiệm sửa xe máy T. V để bán xe còn A. S ở ngoài đợi. Sau đó, các đối tượng này bị phát hiện và điều tra làm rõ hành vi trộm cắp xe honda nêu trên.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S. T số: 20/KL-HĐĐG ngày 14/7/2017 kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 82M1- 043.04 trị giá 13.283.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 24/KSĐT ngày 23/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S. T truy tố các bị cáo A. N và A. T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo A. N và A. T. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo A. N từ sáu(06) tháng tù đến chín(09) tháng tù; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo A. T từ bảy(07) tháng tù đến chín(09) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo tính từ ngày các bị cáo bị bắt đi chấp hành án; Về xử lý vật chứng đề nghị tuyên bán đấu giá xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 82B1- 354.99, để tịch thu sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ số tiền thu được từ việc bán đấu giá xe mô tô này. $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại từ việc bán đấu giá xe mô tô này được trả lại cho chị Y. B. Về án phí các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo A. N và A. T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Khoảng 19 giờ ngày 06/7/ 2017, tại làng K. L, xã R. K, huyện S. T, tỉnh Kon Tum. Lợi dụng đêm tối và sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, A. N, A. T và A. S đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản xe mô tô Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 82M1- 043.04 của A. T.

Căn cứ bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S. T số: 20/KL-HĐĐG ngày 14/7/2017 kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 82M1- 043.04 trị giá 13.283.000 đồng. Xét thấy, khi được A. S rủ A. T và A. N đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, thì A. N và A. T đã đồng ý. Cả ba đã cùng nhau cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản- Được xác định là đồng phạm theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật hình sự, vì thế A. N và A. T cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản đã vi phạm nêu trên. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo A. N và A. T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo A. N và A. T thành khẩn khai báo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp là xe mô tô hiệu Wave RSX biển kiểm soát 82M1- 043.04 đã được thu giữ trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là A. T, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, người bị hại A. T xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo A. N và A. T, nên được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để áp dụng cho các bị cáo A. N và A. T.

Căn cứ Điều 45 của Bộ luật hình sự quy định về căn cứ quyết định hình phạt, trên cơ sở đánh giá các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự; tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra; nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử, thấy cần phải xử phạt các bị cáo A. N và A. T hình phạt tù có thời hạn, nhằm cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo và giáo dục các bị cáo là hoàn toàn thỏa đáng, có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này còn có A. S tham gia thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 82M1- 043.04 cùng với A. N và A. T. Tuy nhiên, A. S đã chết ngày 07/7/2017, nên Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện S. T cũng như Viện kiểm sát nhân dân huyện S. T thấy không cần thiết phải xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A. S. Hội đồng xét xử thấy là hoàn toàn phù hợp với khoản 7 Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự, nên không đề cập nữa.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại A. T không yêu cầu các bị cáo A. N và A. T bồi thường gì thêm, vì ngày 25- 9- 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S. T đã trả lại xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 82M1- 043.04. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết về trách nhiệm bồi thường.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an huyện S. T đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu Wave RSX biển kiểm soát 82M1- 043.04. Đến ngày 25- 9- 2017, Cơ quan Điều tra Công an huyện S. T đã trả lại 01 xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 82M1- 043.04 cho A. T, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 82B1- 354.99, thấy rằng: Đây là tài sản chung của vợ chồng Y. B và A. S, A. S đã dùng xe mô tô này để

thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nên, theo quy định của Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, thì cần phải tuyên bán đấu giá xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 82B1- 354.99, để tịch thu sung quỹ nhà nước 1/2 số tiền bán đấu giá xe mô tô này. ½ số tiền bán đấu giá xe mô tô này còn lại được trả lại cho chị Y. B, là phù hợp.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Buộc các bị cáo A. N và A. T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **A. N** và **A. T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; điểm p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **A. N** sáu(06) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **A. T** bảy(07) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Buộc các bị cáo A. N và A. T, mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bán đấu giá xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 82B1- 354.99(đăng ký xe mang tên A. S), để tịch thu sung quỹ nhà nước 1/2 số tiền bán đấu giá xe mô tô này. ½ số tiền bán đấu giá xe mô tô này còn lại được trả cho chị Y. B.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26- 10- 2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Sa Thầy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum).

Căn cứ Điều 231 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23- 11- 2017). Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quyền gửi đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND; Công an huyện Sa Thầy;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện SaThầy;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có QL, NVLQ;
- TAND cấp cao tại ĐN; Lưu hồ sơ.

(Đã ký)
Nguyễn Văn Tuấn

